

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08/6/2022

“V/v tranh chấp về ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đồng Ánh Đông.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Trần Thị Kia.

2. Bà Nguyễn Thị Huê.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông. Nguyễn Ngọc Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Ngày 08/6/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 27/2022/TLST-HNGĐ ngày 28/02/2022 “Về việc tranh chấp về ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23/5/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Mỹ H, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn A, xã C, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Võ Duy N, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn A, xã C, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trương Thị Mỹ H trình bày: Bà H và ông Võ Duy N tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 28/5/1996 tại UBND xã C, huyện A (nay là thị xã A), tỉnh Gia Lai. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hợp tính nhau, khác nhau về quan điểm sống, ông N hay uống rượu, đánh đập vợ con nên cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn nên không thể kéo dài cuộc sống hôn nhân. Do vậy, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết xin được ly hôn với ông Võ Duy N.

- Về con chung: Bà H và ông N có hai con chung là Võ Hoàng H1, sinh ngày 25/01/1997 và Võ Thị Thùy Q, sinh ngày 11/5/2001. Hiện nay các con đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn ông Võ Duy N mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, nhiều lần Tòa án triệu tập đến hòa giải, triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Trương Thị Mỹ H yêu cầu ly hôn với ông Võ Duy N, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn A, xã C, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A. Bị đơn ông Võ Duy N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Võ Duy N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Mỹ H và ông Võ Duy N có đủ điều kiện kết hôn, đã đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà H và ông N đã phát sinh mâu thuẫn dẫn đến bà H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với ông N. Thôn A và UBND xã C đã có xác nhận về tình trạng mâu thuẫn của bà H và ông N. Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải nhưng ông N không đến, thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến việc tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã phân tích động viên để vợ chồng đoàn tụ, nhưng bà H cho rằng không thể tiếp tục chung sống với nhau và cương quyết ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trương Thị Mỹ H đối với ông Võ Duy N.

[3] Về con chung: Bà H và ông N có hai con chung là Võ Hoàng H1, sinh ngày 25/01/1997 và Võ Thị Thùy Q, sinh ngày 11/5/2001. Hiện nay đã thành niên và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn bà Trương Thị Mỹ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông Võ Duy N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Mỹ H.

- *Về hôn nhân:* Bà Trương Thị Mỹ H được ly hôn với ông Võ Duy N.

- *Về án phí:* Bà Trương Thị Mỹ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng, theo biên lai thu tiền số 0011688 ngày 28/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Gia Lai. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Ông Võ Duy N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án (08/6/2022), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Thời hạn trên đối với người vắng mặt được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX. A;
- UBND xã C, thị xã A, tỉnh Gia Lai (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
(*Đã ký*)  
**Đồng Ánh Đông**